Phòng GD& ĐT quận Bình Thạnh
Trường Mầm non 11B

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 07 tháng 05 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
Hôm trước chuyển sang					130,700
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			37,000	263	9,731,000
Được chi trong ngày					9,861,700
Đã chi trong ngày					9,732,473
1. Dịch vụ					289,300
1	Gas sáng		0	263	0
2	Gas trưa		1,100	263	289,300
2. Kho					279,000
	Ăn chính				279,000
1	sữa meta care từ 1-6 tuổi	Kg	279,000	1	279,000
3. Đi chợ					9,164,173
	Ăn chính				9,164,173
1	Gạo tẻ	Kg	27,300	4	109,200
2	Cà chua	Kg	57,750	5	288,750
3	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.3	23,625
4	Hành tây	Kg	36,750	2	73,500
5	Rau ngò	Kg	147,000	0.2	29,400
6	Tỏi	Kg	78,750	0.2	15,750
7	Nấm rơm	Kg	189,000	1.5	283,500
8	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	199,500	10	1,995,000
9	Trứng cút	Hộp	39,900	9	359,100
10	Đường kính	Kg	38,850	7	271,950
11	Mọc (Giò sống)	Kg	216,000	2	432,000
12	Bột bắp	Gói	15,120	1	15,120
13	Tôm sú	Kg	378,000	5	1,890,000
14	Muối iốt	Gói	5,500	1	5,500
15	Cá chẽm	Kg	357,000	4.2	1,499,400
16	Dầu ăn Tường An 1L	Lít	66,960	2	133,920
17	Tắc	Kg	33,600	4	134,400
18	Bánh mì	Cây	36,000	36	1,296,000
19	Nước mắm Hồng Hạnh	Chai	78,840	2	157,680
20	Bí đỏ	Kg	28,350	4	113,400
21	Hành tím xay	Kg	68,250	0.2	13,650
22	Sữa tươi học đường Vinamilk 100% 110ml	Hộp	7,776	3	23,328
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					837,000
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					27,143,473
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng				783	
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					28,971,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					28,841,773
Chênh lệch cuối ngày					129,227

Kế toán	Phó hiệu trưởng
Lương Thị Thân Thương	Nguyễn Thị Diệp Thúy